

CÁC PHƯƠNG THỨC CHUYỂN DỊCH KẾT CẤU BỊ ĐỘNG TIẾNG HÀN SANG TIẾNG VIỆT (QUA TÁC PHẨM “BỔ CON CÁ GAI” - CHO CHANG-IN)

Lại Ngọc Anh*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 05 tháng 03 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 03 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 04 năm 2024

Tóm tắt: Tiếng Hàn và tiếng Việt khác nhau về loại hình ngôn ngữ nên câu bị động tiếng Hàn được chuyển dịch sang tiếng Việt bằng những hình thức khác nhau. Vì lý do đó, bài viết đối chiếu cấu trúc bị động trong tác phẩm “Bổ con cá gai” (Cho Chang-In, 2000) và bản dịch tiếng Việt của dịch giả Nguyễn Thị Thu Vân (2017, 2019) để làm rõ sự giống và khác nhau trong việc sử dụng câu bị động giữa tiếng Việt và tiếng Hàn. Kết quả khảo sát cho thấy cấu trúc bị động tiếng Hàn có thể dịch sang tiếng Việt theo ba hình thức sau: (1) cấu trúc bị động, (2) cấu trúc chủ động, và (3) cấu trúc trung gian (sử dụng ngoại động từ). Bài viết đi từ lý thuyết gắn với phân tích các ví dụ cụ thể nhằm chia sẻ các kinh nghiệm cho những người nghiên cứu về dịch thuật, dịch văn học từ tiếng nước ngoài và là nguồn tham khảo hữu ích cho việc dạy, học môn dịch thuật tiếng Hàn, tập trung vào việc chuyển dịch cấu trúc bị động.

Từ khóa: kết cấu bị động, Bổ con cá gai, dịch thuật, tiếng Hàn, tiếng Việt

1. Đặt vấn đề

Theo Nguyễn Hồng Côn (2001), dịch thuật là một hoạt động, trong đó, có sự kết hợp giữa kiến thức khoa học, tri thức văn hóa và mẫn cảm nghệ thuật. Sự thành công của bản dịch phụ thuộc vào trình độ, khả năng của người dịch và được đánh giá bằng sự cảm nhận của người đọc, người nghe. Có thể thấy dịch thuật đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội và giao lưu văn hóa của con người, là cầu nối giúp con người vượt qua những khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa. Mặt khác, xét từ góc độ ngôn ngữ học, dịch thuật trước hết là một hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ - giao tiếp liên ngữ. Vì vậy, dịch thuật được coi là đối tượng quan tâm của ngôn ngữ học. Thực tế nghiên cứu cho thấy chất lượng của bản dịch phụ thuộc vào tương đương dịch thuật được lựa chọn, phương pháp dịch thuật được sử dụng, và các nhân tố văn hóa - xã hội liên quan đến quá trình dịch một tác phẩm.

Đặc biệt, hiện nay, mối quan hệ giao lưu giữa Việt Nam và Hàn Quốc ngày một bền chặt. Trong đó, các đề tài nghiên cứu về câu bị động tiếng Hàn và so sánh, đối chiếu với tiếng Việt đã được nhiều nhà nghiên cứu thực hiện bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Đặc biệt trong lịch sử nghiên cứu tiếng Việt, vấn đề câu bị động đã được bàn luận khá nhiều. Tiêu biểu có thể kể đến các công trình nổi bật của Nguyễn Hồng Côn và Bùi Thị Diên (2004), Diệp Quang Ban và Nguyễn Thị Thuận (2000), Lê Xuân Thái (1994), Nguyễn Kim Thản (1964) và Nguyễn Minh Thuyết (1986). Về nghiên cứu bị động, cũng có nhiều công trình nghiên cứu về câu bị động

* Tác giả liên hệ

Email: nauliskorean@gmail.com

trong tiếng Hàn, so sánh đối chiếu với tiếng Việt. Có thể kể đến bài đăng tạp chí “Đối chiếu câu bị động trong tiếng Hàn và tiếng Việt” của Đinh Thị Kim Lan (2020), luận văn thạc sĩ “Nghiên cứu so sánh luật bị động Hàn Việt” của Nghiên Thị Thu Hương (2008), hay luận án tiến sĩ “Nghiên cứu tính ngữ pháp của câu bị động tiếng Hàn” của Nam Su-Kyong (2007).

Người Việt Nam học tiếng Hàn khó có thể hiểu hoàn toàn về câu bị động tiếng Hàn do quá phức tạp và đa dạng về hình thái, cú pháp và ngữ nghĩa dẫn đến việc phạm phải rất nhiều lỗi sai khi viết hay nói câu bị động tiếng Hàn. Trong trường hợp này nên sử dụng cách nói chủ động hay bị động, tại sao trong trường hợp này lại sử dụng nội động từ/ngoại động từ để diễn tả câu văn,... là các thắc mắc thường thấy ở cả người Việt học tiếng Hàn cũng như người Hàn học tiếng Việt. Vì vậy, ở nghiên cứu này, người viết lựa chọn đối chiếu cách sử dụng bị động trong tác phẩm văn học bản gốc tiếng Hàn và bản dịch tiếng Việt tác phẩm “Bố con cá gai” của Cho Chang-In nhằm tìm ra điểm tương đồng và khác biệt trong cách dùng câu bị động, từ đó, chỉ ra các phương thức có thể áp dụng khi dịch một câu bị động từ tiếng Hàn sang tiếng Việt sao phù hợp với tư duy của người Việt.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Cấu trúc bị động trong tiếng Việt

2.1.1. Điều kiện thành lập câu bị động tiếng Việt

Câu bị động trong tiếng Việt từ trước đến nay luôn là một trong những vấn đề gây nhiều tranh cãi - về việc có công nhận hay phủ nhận sự có mặt của câu bị động trong tiếng Việt. Nhiều nhà nghiên cứu như Nguyễn Kim Thản (1994), Nguyễn Minh Thuyết (1986) cho rằng tiếng Việt là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập nên không có dạng bị động với tư cách là một phạm trù hình thái học như các ngôn ngữ biến hình (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn,...). Để chuyển được một câu từ dạng chủ động sang dạng bị động, các ngôn ngữ biến hình phải dùng đến sự biến đổi hình thái của động từ.

Mặt khác, cũng có nhiều nhà nghiên cứu như Lê Xuân Thái (1994), Diệp Quang Ban và Nguyễn Thị Thuận (2000) thừa nhận “bị động” là phạm trù ngữ pháp tách biệt trong tiếng Việt. Bị động trong tiếng Việt không phải là dạng của động từ mà là dạng của cấu trúc riêng với những đặc trưng ngữ pháp và ngữ nghĩa xác định. Cụ thể, phương thức ngữ pháp thích hợp với việc diễn đạt ý nghĩa bị động trong tiếng Việt là hư từ và trật tự từ.

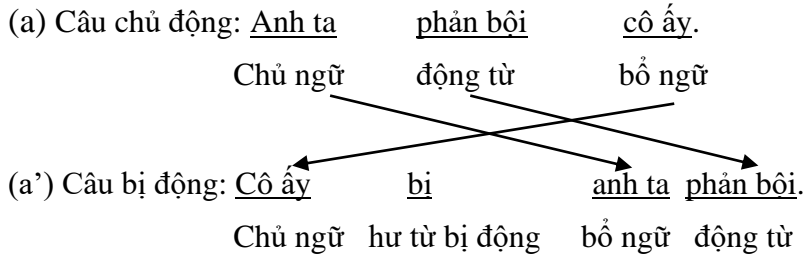
Thông qua hai quan điểm khác nhau về vấn đề bị động và cấu trúc bị động trong tiếng Việt, có thể thấy tiếng Việt không tồn tại dạng bị động với tư cách là phạm trù hình thái học nhưng lại có ý nghĩa bị động được biểu hiện bằng các phương tiện ngữ pháp nhất định là hư từ và trật tự từ. Ý nghĩa bị động trong câu bị động tiếng Việt được coi là quan hệ cải biến của câu chủ động mặc dù không phải bất cứ câu chủ động nào cũng có thể chuyển được thành câu bị động. Do đó, tiếng Việt vẫn có cấu trúc bị động và câu bị động. Xét về hình thức và dựa trên các tiêu chí sau, có thể phân biệt và nhận diện câu bị động và câu chủ động (Cồn & Diên, 2004).

Chủ ngữ (N_1) của câu bị động là bổ ngữ của câu chủ động tương ứng. Tùy từng trường hợp có thể là bổ ngữ chỉ bị thể, nhận thể, đích đến hoặc vị trí.

Vị ngữ trong câu bị động tiếng Việt được cấu tạo trực tiếp từ vị ngữ của câu chủ động tương ứng bằng cách thêm trợ động từ ‘bị/được’ trước động từ.

Bổ ngữ (N_2) của câu bị động là chủ ngữ của câu chủ động tương ứng. Bổ ngữ này thường bị tỉnh lược (trong câu bị động không có biểu ngữ tác thể). Nếu không tỉnh lược được thì có thể chuyển vị trí đến trước động từ hoặc ở phía sau động từ với điều kiện phải có thêm giới từ ‘bởi’ (trong câu bị động có bổ ngữ tác thể giới từ). Có thể nhìn thấy được mối quan hệ giữa câu chủ

động và câu bị động qua ví dụ sau đây:



Qua ví dụ (a) và (a'), ta có thể thấy quan hệ giữa câu chủ động sang dạng câu bị động. Trong đó, chủ ngữ câu chủ động sẽ thành bổ ngữ trong câu bị động và tân ngữ trong câu bị động sẽ thành chủ ngữ trong câu bị động. Động từ trong câu chủ động không thay đổi hình thức và đứng phía sau hư từ trong câu. Hư từ trong câu đứng phía sau chủ ngữ câu bị động và hư từ bị động 'bị' mang ý nghĩa tiêu cực còn hư từ bị động 'được' mang ý nghĩa tích cực.

2.1.2. 'Bị' 'được' trong câu bị động tiếng Việt

Về mặt cấu trúc, 'bị' và 'được' thường đứng trước danh từ hay động từ hoặc mệnh đề để hình thành cấu trúc cú pháp biểu đạt ý bị động trong tiếng Việt (Nghệ, 2002).

'Bị/được' + danh từ

- (b) Em bé được kẹo.
 (c) Cô ấy được phần thưởng.

'Bị/được' + động từ

- (d) Em ấy được tặng hoa hồng.
 (e) Cả lớp được khen.

'Bị/được' + mệnh đề

- (f) Cô gái ấy được anh ấy mời đi uống café.
 (g) Cô Lan được họ mời đi họp.

Về mặt ngữ nghĩa, từ 'bị' biểu thị chủ ngữ đã chịu việc không tốt hoặc biểu thị chủ ngữ là kẻ chịu hành động bất lợi. Ngược lại, từ 'được' biểu thị chủ ngữ tiếp nhận hành động có lợi ích hoặc phù hợp với mong muốn theo như đánh giá của người nói. Như vậy, trong tiếng Việt hiện nay hình thành nên một thể đối lập giữa 'bị' và 'được'.

- (h) Máy chụp hình này bị anh ấy làm hỏng rồi.
 (i) Cô ấy được chọn làm lớp trưởng.

Có thể thấy rõ ràng về mặt ngữ nghĩa đối lập của 'bị' và 'được' qua ví dụ (h), không thể thay từ 'bị' thành từ 'được' trong ví dụ (h) cũng như không thể thay từ 'được' thành từ 'bị' trong ví dụ (i).

2.2. Cấu trúc bị động trong tiếng Hàn

2.2.1. Điều kiện thành lập câu bị động tiếng Hàn

Son Ja-Yeon (2016) đã tổng hợp và tóm tắt về điều kiện thành lập câu bị động từ các học giả đi trước như Choi Hyong-Kang (2006), Viện quốc lập quốc ngữ (2005) và Nam Su-Kyong (2007). Có thể tóm tắt điều kiện thành lập câu bị động như sau:

Cú pháp bị động (통사적피동) ‘-어지다’	빵이 만들어졌다. Bánh mì được làm.
Từ vựng bị động (어휘적피동) ‘-당하다, -받다, -되다’	소설이 출판됐다. Tiểu thuyết được xuất bản, 남자가 여자에게 편지를 받았다. Người con trai nhận thư từ cô gái. 거지가 아이들에게 모욕당했다. Người ăn xin bị lăng mạ bởi những đứa trẻ.

2.3. Khả năng chuyển dịch tương đương câu bị động tiếng Hàn sang tiếng Việt

“Tương đương dịch thuật là sự trùng hợp hay tương ứng trên một hoặc nhiều bình diện (ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng) giữa các đơn vị dịch thuật của văn bản nguồn và văn bản đích với tư cách vừa là sản phẩm vừa là phương tiện của dịch thuật như một quá trình giao tiếp” (Cồn, 2001). Định nghĩa trên đây ngụ ý rằng, tương đương dịch thuật là một thuộc tính khách quan, một mối quan hệ có thực tồn tại giữa văn bản nguồn và văn bản đích và các đơn vị của chúng. Tương đương dịch thuật là một đại lượng động, biến thiên theo số lượng và tính chất của các bình diện tương đương được dịch, đồng thời, chịu sự chi phối của nhiều nhân tố trong việc ưu tiên lựa chọn một bình diện, một khía cạnh tương đương này hay khác.

Tùy theo sự có mặt/vắng mặt của các bình diện tương đương, Nguyễn Hồng Cồn (2001) đã phân chia các tương đương dịch thuật thành hai nhóm lớn như sau:

- *Tương đương hoàn toàn* là các tương đương dịch thuật giống nhau trên cả ba bình diện *ngữ pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng*.

Trong đó, *tương đương ngữ pháp* là khả năng tương ứng giữa các đơn vị dịch thuật về các phương diện phạm trù từ loại của các từ, trật tự từ, cấu trúc ngữ pháp và kiểu câu.

Tương đương ngữ nghĩa là khả năng tương đương giữa các đơn vị dịch của văn bản nguồn và văn bản đích về: (a) nghĩa sở biểu và nghĩa sở thị ở cấp độ từ, (b) nghĩa mô tả ở cấp độ câu.

Tương đương ngữ dụng là sự tương ứng giữa các đơn vị dịch thuật của văn bản nguồn và văn bản đích về các thông tin ngữ dụng (hay còn gọi là thông tin phi miêu tả), liên quan đến các nhân tố của tình huống giao tiếp như mục đích giao tiếp, ý định thông báo, thái độ của người nói với người tiếp nhận văn bản, cảnh huống giao tiếp, bối cảnh văn hóa xã hội làm nảy sinh văn bản nguồn và văn bản đích,...

- *Tương đương bộ phận* là các tương đương dịch thuật chỉ tương ứng với nhau trên một hoặc hai bình diện tương đương nêu trên.

Tiếng Hàn là ngôn ngữ chấp dính nên có đầy đủ các phạm trù ngữ pháp, dùng các phương tiện biến đổi hình thái của động từ để biểu hiện quan hệ bị động. Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập nên chỉ dùng các phương tiện thuần túy cú pháp là hư từ và trật tự từ để biểu hiện quan hệ bị động. Vì không có sự tương đồng hoàn toàn về hình thức biểu hiện ý nghĩa bị động trong hai ngôn ngữ nên khi chuyển dịch một câu bị động từ tiếng Hàn sang tiếng Việt có thể có nhiều cách thức chuyển dịch tương đương khác nhau. Cụ thể, thông qua đối chiếu câu bị động trong bản gốc và bản dịch tác phẩm “Bồ con cá gai”, câu bị động được chuyển dịch tương đương hoàn toàn bằng phương pháp dịch nguyên văn, hay còn hiểu là dịch từ câu bị động tiếng

Hàn sang câu bị động tiếng Việt tương ứng. Ví dụ:

- (1) **난 백혈병에 걸렸습니다.** (tr. 1) (*Tôi bị bệnh máu trắng.*) (tr. 1)
- (2) **백혈병에 걸렸다고 모두 죽는 건 아닙니다.** (tr. 1) (*Không phải cứ bị bệnh máu trắng là chết.*) (tr. 1)
- (3) **시간의 흐름마저 똑 끊어진 느낌이였다.** (tr. 16) (*Có cảm giác ngay cả dòng chảy của thời gian cũng đột nhiên bị cắt đứt.*) (tr. 14)

Ngoài ra, các câu bị động tiếng Hàn được đánh giá là chuyển dịch tương đương bộ phận nếu chỉ tương đương với nhau trên một hoặc hai bình diện. Đồng thời, mức độ tương đương về hình thức hay chức năng sẽ giảm dần khi chuyển dịch từ câu bị động tiếng Hàn sang câu chủ động hoặc câu trung gian tiếng Việt.

- (4) **아침 저녁으로 서늘한 바람이 불어오고, 박지산 꼭대기에는 울긋불긋한 나무들이 보입니다.** (tr. 157) (*Từ sớm đến tối, những ngọn gió se se lạnh thổi vi vút, và đã thấy cây lá trên đỉnh Pakji rực rỡ sắc màu.*) (tr. 149) [*Tương đương ngữ pháp - ngữ nghĩa*]

- (5) **하나님께서 모든 문을 닫아두시지 않아요. 반드시 어딘가에는 출구가 열려 있죠.** (tr. 27) (*Chúa không bao giờ đóng lại mọi cánh cửa. Nếu cánh cửa này khép lại, nhất định ở đâu đó sẽ có một cánh cửa khác được mở ra.*) (tr. 24) [*Tương đương ngữ pháp - ngữ dụng*]

Ở ví dụ trên, dịch giả đã áp dụng chiến lược dịch tương đương từ câu bị động sang câu bị động. Tuy nhiên, ở bản dịch, tác giả đã bổ sung thêm mệnh đề “*Nếu cánh cửa này khép lại*”, nhằm nhấn mạnh đến hoàn cảnh mờ mịt mà nhân vật trong tác phẩm gặp phải cũng như niềm hi vọng về một tương lai tươi sáng hơn nhưng không làm ảnh hưởng đến mục đích truyền đạt của tác giả trong bản gốc cũng như chất lượng của bản dịch.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài, người viết đã sử dụng các phương pháp so sánh cùng một số thủ pháp nghiên cứu khác như: phân loại, thống kê và phân tích ngữ cảnh, đồng thời, đối chiếu cấu trúc bị động được sử dụng trong bản gốc tác phẩm văn học tiếng Hàn và bản dịch tiếng Việt tương ứng nhằm làm rõ sự giống nhau và khác nhau khi sử dụng câu bị động; từ đó, đúc kết được các phương thức chuyển dịch câu bị động giữa hai ngôn ngữ sao cho tự nhiên và phù hợp.

Bài viết sử dụng ngữ liệu nghiên cứu là tác phẩm ‘*가시고기*’ (Gasigoki) của tác giả Cho Chang-in, xuất bản lần đầu vào tháng 01 năm 2000, Nhà xuất bản ‘*밝은세상*’ (Balgeunsesang) và bản dịch “*Bố con cá gai*” của dịch giả Nguyễn Thị Thu Vân, xuất bản lần đầu vào tháng 03 năm 2017, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, tái bản năm 2019.

130 đơn vị bị động tiếng Hàn đã được người viết tổng hợp và thống kê trong toàn bộ tác phẩm. Số liệu bị động dùng để đối chiếu được người viết nhận diện thủ công dựa theo đặc trưng ý nghĩa, đặc trưng hình thái và điều kiện hình thành câu bị động tiếng Hàn.

Đối với tiếng Hàn, câu chứa động từ có hậu tố bị động (접미사 피동) ‘-이,-히,-리,-기’

cú pháp bị động (통사적피동) ‘-어지다’, từ vựng bị động (어휘적피동) ‘-당하다, -받다, -되다’ biểu đạt nghĩa bị động.

Đối với tiếng Việt, câu có sử dụng cấu trúc (1) $N_1 + \text{'bị/được'} + N$, (2) $N_1 + \text{'bị/được'} + V$, (3) $N_1 + \text{'bị/được'} + N_2 + V$, (4) $N_1 + \text{'bị/được'} + V + \text{'bởi/do/bằng'} + N_2$ biểu đạt nghĩa bị động, câu chủ động và câu trung gian tương ứng với bản gốc tiếng Hàn được xét là đối tượng nghiên cứu của đề tài này.

Bảng 2

Kết cấu bị động thường gặp trong tiếng Việt và tiếng Hàn

Tiếng Việt	Tiếng Hàn
(1) $N_1 + \text{'bị/được'} + N$ Cô ấy được phần thưởng là một quyển sách. Tôi bị bệnh suy nhược cả tháng nay.	(1) N_1 이/가 + V (2) N_1 이/가 + N_2 에 + V
(2) $N_1 + \text{'bị/được'} + V$ Đề xuất của tôi được thông qua. Anh ấy bị lừa tiền.	온 마을이 폭풍에 휩쓸렸다. Cả làng bị cơn bão cuốn sạch.
(3) $N_1 + \text{'bị/được'} + N_2 + V$ Cả lớp được cô giáo khen. Đất nước bị giặc đô hộ.	(3) N_1 이/가 + N_2 (으)로 + V 산이 눈으로 덮였다. Núi được tuyết bao phủ.
(4) $N_1 + \text{'bị/được'} + V + \text{'bởi/do/bằng'} + N_2$ Bạn đó bị bắt nạt do ngoại hình không ưa nhìn.	(4) N_1 이/가 + N_2 에게 + V 아이가 엄마에게 업혔다. Đứa bé được mẹ công.
	(5) N_1 이/가 + N_2 에 의해(서) + V 박정원 씨가 사장님에 의해 인사팀 과장으로 뽑혔다. Park Jung-Won được giám đốc chọn làm trưởng phòng nhân sự.

Trong đó, N_1 là đối thể/bị thể; N_2 là tác thể và V là động từ chính.

4. Kết quả nghiên cứu

Qua thống kê 130 đơn vị bị động xuất hiện trong bảng gốc và bản dịch, có thể thấy câu bị động tiếng Hàn có thể chuyển dịch sang tiếng Việt bằng ba kiểu câu: a) câu bị động, b) câu chủ động, c) câu trung gian.

Bảng 3

Thống kê câu bị động tiếng Hàn chuyển dịch sang tiếng Việt

Câu bị động tiếng Hàn chuyển dịch sang tiếng Việt thành	Tổng số câu	Tỉ lệ %
Câu bị động	35	26,9
Câu chủ động	62	47,7

Câu trung gian	33	25,4
Tổng cộng	130	100

4.1. Câu bị động tiếng Hàn chuyển dịch thành câu bị động tiếng Việt

Khi gặp một câu bị động tiếng Hàn, có rất nhiều phương thức chuyển dịch sang tiếng Việt, người học tiếng Hàn có thể dùng một câu bị động mà theo họ là tương đương với câu bị động tiếng Hàn trong bản dịch. Có 26,9% bị động (35/130) trong bản gốc được chuyển sang bị động tương ứng trong bản dịch. Đây là phương thức chuyển dịch tương đương hoàn toàn tương đối vì không phải thay đổi gì về cấu trúc câu, hay cách nói khác là dịch “word by word” từ tiếng Hàn sang tiếng Việt. Nếu xử lý tốt, câu vẫn vẫn trong sáng dễ hiểu, mang phong cách và tư duy của người Việt. Phương thức này thường được áp dụng trong trường hợp tác nhân gây ra hành động không được nêu ra. Ví dụ:

(6) 다시 무균실에 **감혔습니다**. (tr. 335)

(Tôi lại **bị nhốt** trong phòng vô trùng) (tr. 315)

(7) 아버지는 육개월치의 월급을 받고 광업소에서 **쫓겨났다**. (tr. 21)

(Bố anh được nhận số tiền tương ứng với tiền lương trong sáu tháng rồi **bị sa thải** khỏi việc hầm mỏ.) (tr. 19)

(8) 삼십분쯤 지나 아버지가 돌아왔고, 다시 삼십 분쯤 흘러 자장면 두 그릇이 방으로 **들이밀어졌다**. (tr. 22)

(Khoảng ba mươi phút sau, bố quay trở lại, rồi lại khoảng ba mươi phút sau nữa, có hai bát mì đen **được đưa** tới phòng.) (tr. 21)

(9) 세월이 흘러 산부인과 대기실에서 그의 **이름이 불리워질** 때까지 흥미해 있었다. (tr. 25)

(Ngày tháng trôi đi, anh vẫn ngượng nghịu và bối rối cho đến tận khi **tên anh được gọi lên** phòng chờ của khoa sản.) (tr. 21)

Từ quan sát ngữ liệu của văn bản nguồn và văn bản đích, chúng ta thấy những câu dịch như vậy thường là tương đương về mặt cấu trúc, ngữ nghĩa và ngữ dụng.

Về mặt cấu trúc: đều thăng cấp vai phi tác thể lên vị trí chủ ngữ, giáng cấp tác thể xuống vị trí bổ ngữ, và mã hóa động từ.

(10) 그렇게 쉬다간 다음이를 **엄마한테 빼앗기고 말 거예요**. 아빠! (tr. 258)

(Nếu **bố** mà nghỉ như thế thì **sẽ bị mẹ cướp mất Daum** đấy, bố ơi!) (tr. 247)

Về mặt ngữ nghĩa: cả hai văn bản nguồn và văn bản đích đều tương đương về thông tin miêu tả hay nghĩa mệnh đề do chúng biểu thị hiện ngôn hay hàm ẩn. Ngoài ra, chúng còn tương đương về các vai nghĩa, về thời, thể, đối lập có/không...

(11) 이식 프로그램에 따라 치료팀이 구성될 것이고, **다음이는 체계적인 치료를 받게 됩니다**. (tr. 189)

(Chúng tôi sẽ lập nhóm điều trị theo chương trình ghép tủy, và **Daum** sẽ được điều trị một cách bài bản.) (tr.181)

Về mặt ngữ dụng: văn bản nguồn và văn bản đích đều tương đương về mục đích thông báo, giá trị thông báo, nghĩa tình thái và tương đương về giá trị biểu cảm và phong cách.

(12) 날은 저물고 돌아갈 길은 끊겼으며, 육신은 곤고했다. (tr. 220)

(Ngày dần tàn và khi **đường trở về bị chặn đứng**, cả thân xác mệt mỏi đến khôn khổ.) (tr. 209)

Trong tiếng Việt, cấu trúc bị động thường mang cả ý nghĩa tích cực ‘được’ và tiêu cực ‘bị’. Vì vậy, với cách chuyển đổi “word by word” này, cần thiết phải xác định ý nghĩa, rồi chuyển cấu trúc sao cho phù hợp. Ví dụ:

(13) 그러나 천재성도 **개발시켜 주지 않으면** 그 상태에서 정지하고, **끝내는 묻혀버리게 마련이죠.** (tr. 241)

(Nhưng ngay cả thiên tài mà **không được nuôi dưỡng phát triển** thì cũng sẽ chỉ dừng ở đó, và **cuối cùng là bị chôn vùi mà thôi.**) (tr. 230)

(14) 의사가 자신의 자리로 돌아갔고, 그는 **못박힌 듯 서서** 필름을 노려보았다. (tr. 265)

(Vị bác sĩ quay trở về chỗ ngồi, còn anh thì **đứng nhìn chăm chăm vào tấm phim như bị đóng đinh xuống mặt đất.**) (tr. 254)

4.2. Câu bị động tiếng Hàn chuyển dịch thành câu chủ động tiếng Việt

Đây là trường hợp bản gốc sử dụng bị động nhưng bản dịch lại sử dụng ngoại động từ dưới hình thức câu chủ động. Trong tiếng Việt, thay vì dùng câu bị động (cái gì đó ‘bị/được’), chúng ta có xu hướng thiên về việc sử dụng câu chủ động, trong đó, chủ ngữ có thể là ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba số nhiều. Theo số liệu tổng hợp, có 62/130 (47,7%) bị động được chuyển sang dạng chủ động. Quan sát những ví dụ đối chiếu ở văn bản nguồn và văn bản đích ở trên, chúng ta nhận thấy khi chuyển dịch câu bị động tiếng Hàn thành câu chủ động tiếng Việt, chúng chỉ tương đương về mặt ngữ nghĩa, còn về mặt cấu trúc và ngữ dụng lại không tương đương.

Về mặt cấu trúc, câu bị động tiếng Hàn chủ yếu có mô hình: (1) N_1 이/가 + V, (2) N_1 이/가 + N_2 에 + V, còn câu chủ động tiếng Việt lại có mô hình N_2 + V + N_1 . Ví dụ:

(15) 깜박 잠이 들었나봅니다. **아빠의 손이 내 어깨에 얹혀 있었습니다.** 아빠가 나를 번쩍 안아들고는 화장실로 들어갔어요. (tr. 58) (N_1 이 + V)

(Tôi đã ngủ quên mất. **Bố đang đặt tay lên vai tôi.** Đột nhiên bố bế bổng tôi lên rồi đi vào nhà vệ sinh. (tr. 55) (N_2 + V + N_1))

(16) **아이**는 설렘과 감격으로 **그의 품에 안겼다.** (tr. 25) (N_1 는 + N_2 에 + V)

(Bồi hồi và cảm kích **anh ôm đưa trẻ vào lòng.**) (tr. 21) (N_2 + V + N_1)

Về mặt ngữ dụng, sự chuyển đổi cấu trúc này đã làm thay đổi giá trị thông báo, giá trị

biểu cảm và phong cách theo hướng phù hợp với ngữ cảnh xuất hiện của câu dịch trong văn đích. Xu hướng này có thể làm giảm tỉ lệ cấu trúc câu bị động trong tiếng Việt so với nguyên bản và đảm bảo sự chặt chẽ về logic, dễ hiểu và rất đúng với tư duy người Việt. Xét ví dụ sau:

(17) **입원하던 날은 부슬부슬 비가 내렸습니다. 얼어붙은 땅과, 땅속 깊이 잠들어 있는 작은 꽃씨들을 깨우는 봄비였어요. 하지만 내게는 얼음처럼 차가운 빗줄기였죠. 아빠 등에 업혀 병원으로 오는 동안 나는 계속해서 몸을 떨었어요.** (tr. 124)

*(Ngày tôi nhập viện trời mưa lâm thâm. Là cơn mưa mùa xuân đánh thức những hạt giống hoa nhỏ xíu vẫn đang say sưa ngủ sâu trong lòng đất, đánh thức cả mặt đất giá lạnh. Nhưng đối với tôi thì đó là những giọt mưa lạnh lẽo như băng. Trong khi **bố công tôi trên lưng** đưa đến bệnh viện, người tôi cứ run lên bần bật vì lạnh.)* (tr. 118)

Thay vì sử dụng câu bị động ‘Trong khi tôi được bố công trên lưng đưa đến bệnh viện’, ở đây, dịch giả đã sử dụng câu chủ động ‘Trong khi bố công tôi trên lưng đưa đến bệnh viện’ nhằm nổi bật lên tinh thần cao cả, sẵn sàng hi sinh bản thân vì con của người bố.

Trong câu bị động của văn bản nguồn, nếu tác thể được nêu ra thì có thể chuyển thành kết cấu chủ động trong văn bản đích. Trường hợp tác thể không được nêu ra trong câu đó mà cũng không được nêu ra ở câu trước đó, thì có thể khuyết chủ ngữ trong kết cấu chủ động khi đã chuyển đổi. Ví dụ:

(18) **나한테 들키고 싶지 않은** 무엇이 있기 때문이겠죠. (tr. 104)

(Chắc là vì không muốn để lộ điều gì đó với tôi.) (tr. 98)

(19) 옛날 언제처럼 **나한테 들킬까봐** 수돗물을 콧물 툇어놓고 말예요. (tr. 274)

*(Ngày xưa, **sợ tôi biết** nên bố từng mở vòi nước máy ào ào mà khóc.)* (tr. 266)

Tóm lại, cách xử lý này tương đối phù hợp với văn phong tiếng Việt, tuy nhiên, người dịch phải xác định được tác nhân gây ra hành động, nhất là khi tác nhân đó là con người, là các tổ chức, để chuyển sang câu chủ động. Trong trường hợp tác nhân được nêu ra trong câu trước hoặc không có, người dịch có thể tìm cách tạo ra chúng bằng cách lặp lại trong câu trước hoặc tạo ra cấu trúc khác.

(20) **아이의 반코트가 손에 잡혔다.** (tr. 107)

(Anh cầm trên tay chiếc áo khoác của đứa trẻ.) (tr. 101)

(21) **아이에게 차마 눈물을 들키고 싶지 않았기** 때문이었다. (tr. 179)

(Vì anh không muốn đứa trẻ biết rằng anh đang khóc.) (tr. 171)

4.3. Câu bị động tiếng Hàn chuyển dịch thành câu trung gian tiếng Việt

Ngoài cách chuyển dịch sang câu bị động và câu chủ động ở trên, câu bị động tiếng Hàn có thể chuyển thành câu có kết cấu trung gian trong tiếng Việt hay còn gọi là câu trung gian (middle voice). Có 33/130 bị động (25,4%) được chuyển dịch sang kết cấu trung gian. Kết cấu trung gian ($N_1 + V$) là kết cấu trung gian nằm giữa các kết cấu chủ động - ngoại động ($N_2 + V + N_1$) và bị động điển hình ($N_1 + \text{'được/bị'} + V$). Ví dụ:

(22) **수술실 문이 열리고** 간호사가 나왔다. (tr. 297)

(*Cửa phòng phẫu thuật bật mở và y tá bước ra.*) (tr. 288)

(23) 아이의 방 **문이 열렸다**. (tr. 113)

(*Cửa phòng đứa trẻ mở ra.*) (tr. 107)

(24) **낮은 냉장고의 모터 소리는** 크라이슬러의 '왕벌의 비행'처럼 요란하게 들려왔고, 가스 레인지 위에 올려놓은 찌개는 가장자리를 타고 흘러넘쳤다. (tr. 113)

(*Chiếc tủ lạnh cũ kỹ nghe ong ong như bản Chuyển bay của chú ong vàng của Rimski-Korsakov, nồi canh đặt trên bếp ga trượt rồi đổ xuống đất.*) (tr. 107)

(25) **산판길이** 계곡을 따라 **이어져 있고**, 향리에 도달하면 그마저 끊어져 산사람들이 만들어놓은 오솔길이 고작이라고 했다. (tr. 145)

(*Con đường núi kéo dài xuôi theo khe suối, gần đến làng thì bị cắt đứt, thay vào đó là một con đường mòn mà những người sống ở trên núi đã làm nên.*) (tr. 137)

(26) 우수수, 가을 채비를 서두르는 나무들이 잎사귀 떨어내는 **소리가** 아우성으로 **들려왔다**. (tr. 167)

(*Xào xạc, xào xạc, âm thanh của những cái cây vội càn rũ lá để chuẩn bị đón mùa thu đồng thanh dồn tới.*) (tr. 159)

Trong trường hợp nếu không thể chuyển dịch sang câu chủ động hoặc không xác định được ý nghĩa tích cực/tiêu cực trong câu bị động, người dịch có thể áp dụng kết cấu trung gian này nhằm đem lại hiệu quả rõ rệt hơn.

(27) 충격장치가 놓여졌던 가슴팍에는 불을 덴 듯 벌겍게 **낙인이 찍혔다**. (tr. 169)

(*Trên ngực đứa trẻ, dấu vết của máy sốc tim để lại hằn vết đỏ như lửa đốt.*) (tr. 161)

(28) 그러나 **살점이 뜯기고 무릎이 깨지고, 손톱이 뽑혀** 피투성이 만신창이가 될지라도 기필코 기어올라야 할 절벽이었다. (tr. 220)

(*Nhưng đó là vách đá mà dù cho có trầy da tróc vẩy, rách đầu gối, bật móng tay, dù có thương tích đầy mình thì bằng mọi giá anh cũng phải bò lên cho kỳ được.*) (tr. 209)

(29) 그러나 법으로 해결하겠다는 **아내의 말은** 비수가 되어 **그의 가슴에 깊이** **꽃혀 있었다**. (tr. 237)

(*Vậy mà bây giờ người vợ nói rằng sẽ giải quyết bằng luật pháp, câu nói ấy chẳng khác nào con dao găm sâu vào trái tim anh.*) (tr. 226)

(30) 밖에서 **앰블런스의 사이렌 소리가** 들리더니 **똑 끊어진** 뒤입니다. (tr. 280)

(*Ở bên ngoài, tiếng còi xe cứu thương vắng lại rồi im bật.*) (tr. 269)

Nếu so sánh các câu (N₁ + V) với các câu bị động điển hình (N₁ + 'được/bị' + V), ta

thấy sự khác biệt giữa hai kiểu câu này chỉ thể hiện rõ ràng ở cách thức thể hiện mức độ trạng thái hóa vị từ ngoại động: vị từ trong kiểu câu ($N_1 + V$) không được trạng thái hóa bằng các phó từ ‘bị/được’ có ý nghĩa bị động như ở kiểu câu ($N_1 + \text{được/bị} + V$) mà bằng các phụ từ, phụ ngữ chỉ tình thái, cách thức, thời gian, kết quả,... Tuy nhiên, trong thực tế, nhiều câu ($N_1 + V$) cũng tiềm tàng khả năng thêm ‘bị/được’ để trở thành câu bị động.

(31) 두 잔의 커피가 테이블에 올려졌다. (tr. 282)

(Hai tách cà phê được đặt trên bàn.) (tr. 271)

(32) 나같이 골수 이식을 받는 환자를 위해서 특별하게 만들어진 방이죠. (tr. 292)

(Căn phòng đặc biệt được tạo ra dành cho bệnh nhân ghép tủy như tôi.) (tr. 281)

5. Thảo luận

Dựa vào các kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ trước đó, người viết đã vận dụng và xác lập cơ sở lí thuyết để nhận diện cấu trúc bị động trong tiếng Hàn và tiếng Việt cho việc nghiên cứu các phương thức chuyển dịch cấu trúc bị động từ tiếng Hàn sang tiếng Việt. Phân tích ngữ liệu có thể đưa ra một số đánh giá như sau:

Những tình huống có hiển thị rõ tiếp thể, đích thể, động từ cấu thành ý nghĩa bị động rõ ràng thường có xu hướng được diễn đạt bằng cấu trúc bị động trong cả tiếng Hàn và tiếng Việt. Đồng thời, vấn đề điểm nhìn cũng có sự ràng buộc nhất định tới việc quyết định sự việc, tình trạng đó có được diễn đạt bằng cấu trúc bị động hay không.

Đặc biệt là trong văn bản nguồn, tác giả sử dụng ngôi kể là ngôi thứ nhất nên không dùng bị động đặt điểm nhìn vào nhân vật khác khi nhân vật đó có sự tương tác với nhân vật “tôi”.

백혈병은요, 까딱 잘못하면 나를 죽일 수 있는 병이에요. 그 동안 실제로 죽는 아이들을 봤답니다. 자다가 죽은 아이도 있었구요, 고래고래 고함을 지르다가 갑자기 목숨이 멈춰버린 아이도 있었죠. 내가 만일 죽게 된다면 자다가 죽은 아이를 닮았으면 좋겠어요. (tr. 17)

Bệnh máu trắng ấy mà, là bệnh mà chỉ cần sơ sẩy một chút thôi cũng có thể giết chết tôi ngay. Thời gian qua tôi đã tận mắt chứng kiến những đứa trẻ bị chết. Có những đứa bé chết khi đang ngủ, cũng có cả những đứa bé đang la hét âm ỉ thì đột nhiên tắt thở. Nếu như phải chết, giá như tôi được chết khi đang ngủ thì thật tốt biết mấy. (tr. 13)

Việc chứng kiến “những đứa trẻ bị chết” trong bản dịch cho biểu thị ý nghĩa nhân vật “tôi” hiểu ra rằng “căn bệnh máu trắng” đã lấy đi mạng sống của biết bao đứa trẻ ngoài kia và cũng suýt lấy đi mạng sống của chính mình. Từ ví dụ này, có thể nhận thấy, ý niệm về điểm nhìn, cách đặt điểm nhìn khi kể chuyện chi phối đến sự khác biệt trong cách sử dụng bị động của tiếng Việt và tiếng Hàn. Ở câu ví dụ của bản dịch, chủ ngữ - nơi người kể chuyện đặt điểm nhìn vào, thay đổi từ nhân vật “tôi” sang “những đứa trẻ”, cho thấy kể cả khi thay đổi điểm nhìn, tiếng Việt vẫn có sự linh hoạt hơn trong việc sử dụng câu bị động hoặc câu chủ động.

Tuy nhiên, tiếng Hàn với đặc điểm là ngôn ngữ có tính cố định điểm nhìn cao, nên tác giả đã thống nhất điểm nhìn của cả hai mệnh đề của câu vào “죽는 아이들” (những đứa trẻ đang chết dần chết mòn) và “죽은 아이” (đứa trẻ đã chết) nên không sử dụng bị động trong

trường hợp này.

Là một ngôn ngữ đơn lập nên cấu trúc bị động trong tiếng Việt chủ yếu được hình thành bằng cách kết hợp “bị/được” với động từ. Điều này hoàn toàn khác so với tiếng Hàn, câu chứa động từ có hậu tố bị động (접미사 피동) ‘-이,-히,-리,-기’, cú pháp bị động (통사적피동) ‘-어지다’, từ vựng bị động (어휘적피동) ‘-당하다, -받다, -되다’ đều biểu đạt nghĩa bị động. Điều này cho thấy sự phong phú về các biểu hiện bị động trong tiếng Hàn hơn so với tiếng Việt.

6. Kết luận

Trên đây, bài nghiên cứu đã khảo sát khả năng chuyển dịch tương đương câu bị động tiếng Hàn sang tiếng Việt qua việc xem xét câu bị động tiếng Hàn (văn bản nguồn) và câu dịch bằng tiếng Việt (văn bản dịch). Kết quả cho thấy, câu bị động tiếng Hàn có thể dịch thành ba kiểu câu trong tiếng Việt, đó là: (1) câu bị động, (2) câu chủ động, (3) câu trung gian. Bài viết đã có những đánh giá bước đầu về đặc điểm sử dụng bị động khi đối chiếu bản gốc tiếng Hàn và bản dịch tiếng Việt. Tuy nhiên, để làm rõ hơn xu hướng sử dụng bị động cần tìm hiểu và nghiên cứu thêm về sự chi phối của điểm nhìn trong việc nhìn nhận - đánh giá sự việc, trạng thái. Cần gia tăng số lượng ngữ liệu và mở rộng khảo sát thêm tác phẩm văn học bản gốc tiếng Hàn được dịch sang tiếng Việt. Đối chiếu bản dịch văn học cũng có nhiều mặt hạn chế do chịu sự chi phối của cá tính ngôn ngữ của người dịch, sự khác biệt trong sắc thái biểu hiện của từng ngôn ngữ nên việc lựa chọn bản dịch phù hợp có ảnh hưởng lớn đến chất lượng của nghiên cứu.

Tài liệu tham khảo

- Ban, D. Q. (2001). Có phải trong ngôn ngữ học chỉ có cộng và trừ và bàn thêm về câu bị động trong tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 13.
- Ban, D. Q., & Thuận, N. T. (2000). Lại bàn về vấn đề câu bị động trong tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 7, 14-21.
- Cổn, N. H. (2001). Về vấn đề tương đương trong dịch thuật. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 11.
- Cổn, N. H., & Diên, B. T. (2004). Dạng bị động và vấn đề bị động trong tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 7.
- Choi, H. K. (2006). Xem xét lại cấu trúc câu với các động từ ‘받다, 당하다, 되다’ và điều kiện câu bị động. *Tạp chí Văn học Hàn Quốc*, 92, 159-190.
- Chi, Đ. T. Q. (2022). Đối chiếu bị động và vấn đề điểm nhìn của tiếng Việt và tiếng Nhật thông qua bản gốc và bản dịch tác phẩm văn học. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*, 6.
- Diên, B. T. (2003). *Câu bị động tiếng Anh và các kết cấu tương đương trong tiếng Việt*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hương, N. T. T. (2008). *Nghiên cứu so sánh luật bị động Hàn Việt*, Luận văn thạc sĩ, trường Đại học Kyung Hee, Khoa quốc văn quốc ngữ.
- Lan, Đ. T. K. (2020). Đối chiếu câu bị động trong tiếng Hàn và tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học Lạc Hồng*, 11.
- Nam, S. K. (2007). *Nghiên cứu tính ngữ pháp của câu bị động tiếng Hàn*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Seoul.
- Nghiệu, V. Đ. (2002). So sánh ngữ nghĩa, ngữ pháp của “được” “bị” “phải” trong tiếng Việt với “ban” “t’rân” trong tiếng Khmer. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 3, 13-14.
- Son, C. Y. (2016). *Nghiên cứu phương án giáo dục câu bị động tiếng Hàn thông qua trình bày quốc ngữ*. Viện cao học, Trường Đại học Hallym.
- Thán, N. K. (1964). *Ngữ pháp tiếng Việt (tập II)*. NXB Khoa học Xã hội.
- Thái, L. X. (1994). *Câu chủ - vị tiếng Việt*. NXB Khoa học Xã hội.
- Thuyết, N. M. (1986). *Vai trò của “được” và “bị” trong câu bị động tiếng Việt, Những vấn đề các ngôn ngữ phương Đông*. Viện Ngôn ngữ học.
- Viện quốc lập quốc ngữ. (2005). *Ngữ pháp tiếng Hàn dành cho người nước ngoài*. NXB Seoul Communication Books.

PHỤ LỤC

Bảng thống kê các bị động được sử dụng trong bản gốc

Các bị động được sử dụng trong bản gốc được thống kê trong đường link dưới đây:

https://docs.google.com/document/d/1NzA_jorE_O76oPyhFh-87aPDho9TCCQLQ/edit?usp=sharing&oid=105920917819420684879&rtpof=true&sd=true

MODES OF TRANSLATING KOREAN PASSIVE STRUCTURE INTO VIETNAMESE (THROUGH “GASIGOKI” BY CHO CHANG-IN)

Lai Ngoc Anh

*Faculty of Korean Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Korean and Vietnamese are typologically different, so Korean passive sentences are rendered with different structures in Vietnamese translation. Therefore, the author compares the use of passive voice in the work “Gasigoki” written by Cho Chang-in and the Vietnamese translation by Nguyen Thi Thu Van to clarify the similarities and differences in the use of passive structures between the original and the translation. The results show that a Korean passive structure can be translated into Vietnamese as follows: (1) a passive structure, (2) an active structure, and (3) an intermediary structure or middle voice (using a transitive/ergative verb). The article goes from theory to analysis of specific examples to share experiences for those who study translation and translation of literature from foreign languages. It is also a useful reference source for teaching and learning Korean translation, focusing on passive structure.

Keywords: passive, Gasigoki, translation, Korean, Vietnamese